TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 147/2017/DS-PT
Ngày: 06-9-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Lê Lâm Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1965 - có mặt.

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông **Nguyễn Đình G**, sinh năm 1965 - có mặt.

2. Bà **Văn Thị Tuyết H,** sinh năm 1960 - có mặt.

3. Ông **Lý Tấn L**, sinh năm 1962 - có đơn xin vắng mặt.

4. Bà **Trần Thị T,** sinh năm 1963 - có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1967 – vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1: Ông **Trần Thanh L**, sinh năm 1963 - có mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1988 - có đơn xin vắng mặt.

3. NLQ3, sinh năm 1989 - có đơn xin vắng mặt.

4. NLQ4, sinh năm 1991 - có đơn xin vắng mặt.

5. NLQ5, sinh năm 1995 - có đơn xin vắng mặt.

6. NLQ6, sinh năm 1990 - có mặt.

7. NLQ7, sinh năm 1991 - có đơn xin vắng mặt.

8. NLQ8, sinh năm 1995 - có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Thanh L; bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đình G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn ông Trần Thanh L trình bày:*

Nguồn gốc đất trước kia là của bà S, bà S ở Cần Thơ nên không sử dụng, khoảng năm 1993 bà S về đòi đất thì xảy ra tranh chấp giữa bà S và ông B, Ủy ban nhân dân huyện giải quyết giao đất cho bà S. Khoảng năm 1995 ông B trả đất này cho bà S, khoảng năm 1997 bà S và con của bà S là ông Huỳnh Hữu H chuyển nhượng phần đất này cho ông, chuyển nhượng diện tích là 10.190m^2. Lúc chuyển nhượng đất thì đã có nhà của các bị đơn ở, các hộ này được ở là do ông B cho mượn ở, lúc trả đất cho bà S thì bà S cũng tiếp tục cho ở nhưng có thu tiền. Năm 2000 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu ông Lý Tấn L và bà Trần Thị T di dời nhà cửa trả lại ông phần đất theo đo đạc thực tế ngang 5m, dài 36m và yêu cầu ông Nguyễn Đình G cùng vợ là Văn Thị Tuyết H di dời nhà trả lại cho ông phần đất ngang 3,8m, dài 41,3m.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Thanh L trình bày: Yêu cầu vợ chồng bà Văn Thị Tuyết H và vợ chồng bà Trần Thị T tháo dỡ nhà cửa, công trình trên đất để giao trả quyền sử dụng đất cho ông. Ông sẽ hỗ trợ di dời mỗi nhà là 5.000.000

đồng và cho thời hạn giao trả đất là 2 tháng. Nếu phía bị đơn có khó khăn về chỗ ở ông sẽ cho mượn phần đất khác (ở Kinh 1 thuộc xã Tân Thuận) để ở.

- Bị đơn ông Nguyễn Đình G và bà Văn Thị Tuyết H trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Trần Văn B, khoảng năm 1945 ông B cho ông ngoại bà Văn Thị Tuyết H là Trần Văn T và bà Võ Thị S cất nhà ở. Sau đó ông Trần Văn T chết, bà S tiếp tục ở trên đất này với 02 cậu của bà Văn Thị Tuyết H là Trần Văn C và Trần Văn Đ. Đến khoảng năm 1986 thì bà Văn Thị Tuyết H có chồng không có đất ở nên bà S kêu bà về cất nhà ở (ở cái chái cặp bên nhà bà S, cái chái này hiện nay là nền nhà của vợ chồng bà đang ở). Ông, bà đã ở từ đó cho đến nay. Ông, bà chỉ biết đất này là của ông B, còn ông B có trả bà S không thì ông, bà không biết. Hiện tại gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông Trần Thanh L yêu cầu trả đất ông, bà không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình G, bà Văn Thị Tuyết H trình bày: Ông bà không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh L vì đất này do bà ngoại cho lại, vợ chồng bà ở từ trước đến nay và hiện nay gia đình nghèo, không có chỗ ở nào khác. Nếu buộc trả đất không yêu cầu gì về nhà cửa, cây cối trên đất.

- Bị đơn ông Lý Tấn L và bà Trần Thị T trình bày:

Phần đất này có nguồn gốc là của ông Trần Văn B cho lại ông, bà nội bà Trần Thị T là Trần Văn T và Võ Thị S. Bà Trần Thị T sống cùng ông Trần Văn T từ nhỏ đến lớn trên phần đất này, không có ai tranh chấp gì. Ông Trần Thanh L nhận chuyển nhượng của ai, thời gian nào thì ông, bà không rõ. Hiện nay gia đình ông, bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông, bà chỉ biết đất này là của ông B, còn việc ông Bcó trả cho bà S không thì ông, bà không biết. Nay ông Trần Thanh L yêu cầu ông, bà trả đất, ông bà không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T trình bày*:* Bà không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh L vì đất này do bà nội ở và cho lại, vợ chồng bà ở từ trước đến nay và hiện nay gia đình nghèo, không có chỗ ở nào khác. Nếu buộc trả đất không yêu cầu gì về nhà cửa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

NLQ1 trình bày: Vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Hữu H một phần đất có diện tích là 10.190m^2. Lúc chuyển nhượng đất thì đã có nhà của các bị đơn ở, các hộ này được ở là do ông Huỳnh Hữu H cho ở đậu và có thu tiền hàng năm. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông, bà tiếp tục cho những hộ này ở trên đất. Năm 2000 thì vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2002 vợ chồng bà cần sử dụng đất nên đòi lại thì các bị đơn không trả.

Nay bà yêu cầu ông Lý Tấn L, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đình G, bà Văn Thị Tuyết H di dời nhà cửa trả lại đất cho ông, bà.

NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 trình bày: Thống nhất với ý kiến của cha mẹ các anh. Yêu cầu giải quyết cho gia đình các anh được ở trên phần đất này.

NLQ6, NLQ7, NLQ8 trình bày: Thống nhất với ý kiến của cha mẹ các anh. Yêu cầu giải quyết cho gia đình các anh được ở trên phần đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 03/4/2017, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1- Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình G và vợ là Văn Thị Tuyết H cùng các con (ở chung nhà) là Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm tháo dở nhà cửa, công trình, thu hoạch cây cối, hoa màu trên đất để giao trả cho Nguyên đơn ông Trần Thanh L phần đất có diện tích 156,9m^2. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ giao trả QSD đất là sau 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2- Buộc Bị đơn ông Lý Tấn L và vợ là Trần Thị T cùng các con (ở chung nhà) là Lý Tấn T, Lý Tấn C, Lý Tấn X có trách nhiệm tháo dở nhà cửa, công trình, thu hoạch cây cối, hoa màu trên đất để giao trả cho nguyên đơn ông Trần Thanh L phần đất có diện tích 178,5m^2**.** Thời hạn thực hiện nghĩa vụ giao trả QSD đất là sau 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Các phần đất tọa lạc tại khu phố Vĩnh Phước 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang và có vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các vị trí giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả chi tiết theo bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V lập ngày 22/3/2017).

3- Buộc Nguyên đơn ông Trần Thanh L trả công sức cải tạo đất, chi phí di dời nhà cửa như sau:

+ Trả cho ông Lý Tấn L, bà Trần Thị T là 30.000.000đ;

+ Trả cho ông Nguyễn Đình G, bà Văn Thị Tuyết H là 30.000.000đ;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo vẽ, chi phí định giá và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 11/5/2017, ông Trần Thanh L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại mức hỗ trợ trả công sức cải tạo và di dời nhà cửa. Ông chỉ thống nhất hỗ trợ mỗi hộ là 5.000.000 đồng vì nhà của bị đơn là nhà đơn sơ bằng cây cột cậm.

Đến ngày 17/4/2017, ông Nguyễn Đình G có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh L, giữ nguyên diện tích đất cho gia đình ông được sử dụng. Ông kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét cho gia đình ông tiếp tục lưu trú trên phần đất tranh chấp cho đến khi gia đình ông có điều kiện sẽ giải quyết sau.

Đến ngày 10/4/2017, bà Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh L, giữ nguyên diện tích đất cho gia đình bà được sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm giải quyết vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đều chấp hành đúng theo các quy định.

Kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Đình G, bà Trần Thị T là không có cơ sở để xem xét.

Đối với kháng cáo của ông Trần Thanh L, tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Thanh L xin rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đình chỉ phần rút kháng cáo của ông Trần Thanh L.

Về phần án phí, bản án sơ thẩm buộc ông Trần Thanh L phải chịu án phí của số tiền hỗ trợ công sức cải tạo đất và di dời là 3.000.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, phải điều chỉnh về án phí không buộc ông Trần Thanh L phải chịu án phí nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Đình G, bà Trần Thị T và nguyên đơn ông Trần Thanh L; sửa bản án sơ thẩm về án phí theo hướng không buộc ông Trần Thanh L phải chịu án phí 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Lý Tấn L, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ7 và NLQ8 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa, ông Trần Thanh L xin rút toàn bộ đơn kháng cáo nên căn cứ khoản điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L.

[2] Về nội dung: Phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất của ông Q là cha của bà S, ông B. Thời kỳ trước giải phóng năm 1975 do ông B quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng do chính quyền chế độ cũ thực hiện chính sách dồn dân

nên có một số hộ dân đến ở trên đất của ông B. Trong đó có hộ ông Trần Văn T và vợ là Võ Thị S cất nhà ở vào khoảng năm 1960. Ông Trần Văn T, bà S là ông, bà nội của bà Trần Thị T và là ông, bà ngoại của bà Văn Thị Tuyết H. Đến khoảng năm 1987 bà S về tranh chấp đất với ông B và được Nhà nước giải quyết buộc ông B giao cho bà S phần đất ngang 50m phía giáp ông Đ, trên đất có nhà của gia đình bà S. Sau khi được trả đất bà S ủy quyền cho con là Huỳnh Hữu H quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng ông Huỳnh Hữu H kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.190m^2 thuộc thửa số 253, tờ bản đồ số 3 vào ngày 05/11/1993. Năm 1996 ông Huỳnh Hữu H chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Trần Thanh L, trong đó có diện tích gia đình bà S đang sử dụng. Ngày 17/4/2000, ông Trần Thanh L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị đơn cho rằng nguồn gốc đất là của ông B, ông B cho lại ông Trần Văn T và bà S, ông Trần Văn T, bà S cho lại các bị đơn ở. Bà Trần Thị T thì sống cùng ông Trần Văn T từ nhỏ đến lớn trên phần đất này, không có ai tranh chấp gì. Còn bà Văn Thị Tuyết H thì ở từ năm 1986 đến nay. Việc ông B có trả đất cho bà S hay không thì các bên bị đơn đều không biết. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc được phía ông B cho luôn đất để ở. Trong khi các con ông B xác định là ông B chỉ cho gia đình ông Trần Văn T, bà S ở đậu, không phải là cho luôn. Các con bà S là ông C, ông Đ thừa nhận là gia đình được cho mượn đất ở nhưng có lúc phủ nhận mà khai là ông B cho luôn nên không có căn cứ để xem xét lời khai của ông C, ông Đ. Tại phiên hòa giải tại khu phố V, ông Nguyễn Đình G đồng ý di dời nhà trả đất cho ông Trần Thanh L trong thời hạn từ ngày 04/11/2011 đến ngày 20/12/2011 (bút lục 05). Tại Giấy đề nghị xác nhận chỗ ở hợp pháp lập ngày 18/3/2014 do bà Văn Thị Tuyết H lập đã ghi "đất ở đậu của ông Trần Văn B ". Những người cao tuổi ở gần như ông H, ông T chỉ biết là gia đình bà S có về ở trên đất ông B, không biết có cho luôn hay cho mượn.

Gia đình bà S, sau đó là các bị đơn có quá trình cất nhà ở trên đất lâu dài nhưng không có kê khai, đăng ký quyền sử đất và các bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc đã xác lập quyền sử dụng đất đối với phần đất đang sử dụng. Mặt khác, gia đình các bị đơn ở trên đất là ở nhờ trên đất của người khác nên cũng không có căn cứ xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu quy định tại Điều 236 của Bộ luật dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn thừa nhận bị đơn ở nhờ trên đất của ông B, khi nào đi thì trả đất lại và không có quyền sang bán cho người khác.

Nguyên đơn ông Trần Thanh L xác lập quyền sử dụng đất do nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Hữu H và đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 nên là người sử dụng đất hợp pháp.Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn giao trả đất cho ông Trần Thanh L là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Đình G và bà Trần Thị T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tuy nhiên, về án phí Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh L nhưng buộc ông Trần Thanh L phải chịu án phí trên số tiền hỗ trợ công sức cải tạo đất và chi phí di dời nhà cửa là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang về án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản1 Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 236 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 101 của Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh L.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình G.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình G và vợ là Văn Thị Tuyết H cùng các con là Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm tháo dở nhà cửa, công trình, thu hoạch cây cối, hoa màu trên đất để giao trả cho nguyên đơn ông Trần Thanh L phần đất có diện tích 156,9m^2. Thời hạn thực

hiện nghĩa vụ giao trả quyền sử dụng đất là sau 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc bị đơn ông Lý Tấn L và vợ là Trần Thị T cùng các con là Lý Tấn T, Lý Tấn C, Lý Tấn X có trách nhiệm tháo dở nhà cửa, công trình, thu hoạch cây cối, hoa màu trên đất để giao trả cho nguyên đơn ông Trần Thanh L phần đất có diện tích 178,5m^2. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ giao trả quyền sử dụng đất là sau 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

(Các phần đất tọa lạc tại khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang và có vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các vị trí giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả chi tiết theo tờ trích đo địa chính số TĐ-14-2017 ngày 22/3/2017của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

3. Buộc nguyên đơn ông Trần Thanh L trả công sức cải tạo đất, chi phí di dời nhà cửa như sau:

+ Trả cho ông Lý Tấn L, bà Trần Thị T là 30.000.000 đồng;

+ Trả cho ông Nguyễn Đình G, bà Văn Thị Tuyết H là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4- *Về án phí::*

Án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn được miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo.

Ông Trần Thanh L không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.100.000 đồng theo biên lai thu số 05831 ngày 17/4/2012 và 6.522.000 đồng theo biên lai thu số 08381 ngày 3/3/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Án phí phúc thẩm:

Ông Trần Thanh L không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Thanh L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 03107 ngày 24/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Kiên Giang.

5. *Về chi phí đo vẽ*: Tổng cộng là 1.783.000 đồng, ông Trần Thanh L đã nộp xong.

6. *Về chi phí định giá:* Tổng cộng là 3.402.000 đồng trong đó (phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Đình G, bà Văn Thị Tuyết H là 1.679.000 đồng; giữa ông

Trần Thanh L với ông Lý Tấn L, bà Trần Thị T là 1.723.000 đồng) mỗi bên chịu ½ . Ông Trần Thanh L đã tạm nộp nên ông Nguyễn Đình G, bà Văn Thị Tuyết H trả lại cho ông Trần Thanh L 834.500 đồng; ông Lý Tấn L, bà Trần Thị T trả lại cho ông Trần Thanh L 861.500 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Chi Cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Thi